

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – ĐỀ 3**MÔN: TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiahay.com****I. Choose the word whose main stress is placed differently from others.**

1.

A. computer /kəm'pjʊ:tə/

B. yesterday /'jestədeɪ/

C. reporter /rɪ'pɔ:tə/

Đáp án B có trọng âm rơi vào âm tiết đầu tiên, các phương án còn lại đều là những từ có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

Đáp án: B

2.

A. teacher /'ti:tʃə/

B. project /'prɒdʒekt/

C. downstairs /,daʊn'steəz/

Đáp án C có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, những phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

Đáp án: C

3.

A. interesting /'ɪntrəstɪŋ/

B. above /ə'bu:v/

C. cinema /'sɪnəmə/

Đáp án B có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, những phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

Đáp án: B

II. Listen and choose True or False.**Bài nghe:**

Jim is my new Australian friend. His school is in the center of Sydney. It is big and beautiful. It has a music room, two computer rooms, a library and a gym. Jim's favourite place in his school is the art room because he loves drawing. Sometimes, he shows me his new pictures. In his classroom, there is a smart TV, some maps and a lot of nice posters on the wall.

Tạm dịch:

Jim là người bạn Úc mới của mình. Trường của cậu ấy nằm ở trung tâm thành phố Sydney. Trường rất to và đẹp, có một phòng nhạc, hai phòng máy tính, một thư viện và một phòng thể dục. Nơi yêu thích của Jim trong trường là phòng mỹ thuật vì cậu ấy thích vẽ. Thỉnh thoảng, Jim còn cho mình xem những bức tranh mới của cậu ấy. Trong lớp học của Jim, có một chiếc TV thông minh, vài tấm bản đồ và rất nhiều áp phích đẹp trên tường.

1.

Giải thích:

Jim is from Australia.

(Jim đến từ Úc.)

Thông tin: Jim is my new Australian friend.

(Jim là người bạn Úc mới của mình.)

Đáp án: True

2.

Giải thích:

Jim's school is in the center of a city.

(Trường của Jim nằm ở trung tâm của một thành phố.)

Thông tin: His school is in the center of Sydney.

(Trường của cậu ấy nằm ở trung tâm thành phố Sydney.)

Đáp án: True

3.

Giải thích:

There are two computer rooms in Jim's school.

(Có hai phòng máy tính ở trường của Jim.)

Thông tin: It has a music room, two computer rooms, a library and a gym.

(Trường rất to và đẹp, có một phòng nhạc, hai phòng máy tính, một thư viện và một phòng thể dục.)

Đáp án: True

4.

Giải thích:

Jim likes art room most.

(Jim thích phòng vẽ nhất.)

Thông tin: Jim's favourite place in his school is the art room because he loves drawing.

(Nơi yêu thích của Jim trong trường là phòng mỹ thuật vì cậu ấy thích vẽ.)

Đáp án: True

5.

Giải thích:

There is a poster on the wall in Jim's classroom.

(Có một tấm áp phích trên tường trong học học của Jim.)

Thông tin: In his classroom, there is a smart TV, some maps and a lot of nice posters on the wall.

(Trong lớp học của Jim, có một chiếc TV thông minh, vài tấm bản đồ và rất nhiều áp phích đẹp trên tường.)

Đáp án: False

III. Listen and number.

Bài nghe:

Last Sunday, my classmates and I went to Yen So Park, a big park in Ha Noi. We had a lot of fun there. In the morning, we walked around the lake and watched the fish. We had a party at noon. In the afternoon, my teacher, Mr Long played the guitar. We sang and danced around. We went back home at 4 o'clock. It was a wonderful day!

Tạm dịch:

Chủ nhật tuần trước, mình và các bạn cùng lớp đã đi đến Công viên Yên Sở, một công viên lớn ở Hà Nội. Chúng mình đã có rất nhiều niềm vui ở đó. Buổi sáng, chúng mình đi dạo quanh hồ và ngắm cá. Đến trưa, chúng mình tổ chức một bữa tiệc. Buổi chiều, thầy Long của mình chơi guitar. Chúng mình hát và nhảy xung quanh. Chúng mình trở về nhà lúc 4 giờ. Đó thật sự là một ngày tuyệt vời!

a. Our teacher played the guitar.

(Giáo viên của chúng mình đã chơi đàn ghi-ta.)

b. We went to the park.

(Chúng mình đã đến công viên.)

c. We walked a round the lake and watched the fish.

(Chúng mình đi dạo quanh hồ và ngắm cá.)

d. We went back home.

(Chúng mình về nhà.)

e. We had a party.

(Chúng mình đã có một bữa tiệc.)

Đáp án:

a. 4	b. 1	c. 2	d. 5	e. 3
------	------	------	------	------

IV. Choose the correct answers.

1.

On the + số thứ tự + floor: ở tầng

My classroom is **on** the second floor.

(Lớp học của tôi nằm ở tầng 2.)

Đáp án: C

2.

Cấu trúc câu hỏi Wh ở thì quá khứ đơn:

Wh + did + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + trạng từ?

What did you **do** yesterday?

(Hôm qua bạn đã làm gì vậy?)

Đáp án: A

3.

A. talk (v): nói chuyện

B. tell (v): kể lại, chỉ dẫn

C. like (v): thích

Cấu trúc hỏi đường:

Could you + tell + tân ngữ + the way to + địa điểm?

Could you **tell** me the way to the school library?

(Bạn có thể chỉ cho tôi đường đến thư viện trường được không?)

Đáp án: B

4.

A. Because: bởi vì

B. And: và

C. So: vậy nên

Why would you like to be a doctor? – **Because** I'd like to help sick people.

(Tại sao bạn lại muốn trở thành một bác sĩ? – Bởi vì tôi muốn giúp đỡ những người bệnh.)

Đáp án: A

5.

Câu trúc hỏi điều yêu thích của ai đó:

What's + tính từ sở hữu + favourite + danh từ số ít?

What's your favourite animal?

(Loại động vật yêu thích của bạn là gì?)

Đáp án: B

V. Read and choose the correct alternatives.

Our school is amazing! It's big and new. There are many rooms. I'm in Class 5C. It's on the second floor. To get there, go upstairs and turn left. The music room is on the ground floor. Go along the corridor and turn right. Our music classes are really fun! Our library is quiet and comfortable. I often read stories there. It's on the fourth floor. How can you get there? Go past the art room and turn right. Then go upstairs.

Tạm dịch:

Trường của chúng mình thật tuyệt vời! Trường rộng và còn mới. Có rất nhiều phòng học. Mình học lớp 5C. Nó nằm ở tầng hai. Để đến đó, đi lên cầu thang rồi rẽ trái. Phòng nhạc nằm ở tầng trệt. Đi dọc theo hành lang và rẽ phải. Các buổi học nhạc của chúng mình rất vui! Thư viện của trường thì yên tĩnh và thoải mái. Mình thường đọc truyện ở đó. Thư viện nằm ở tầng bốn. Làm sao để đến đó ấy à? Đi qua phòng mỹ thuật rồi rẽ phải, sau đó đi lên cầu thang.

1.

Giải thích:

The school is **big and new** / **big and old**.

(Trường của chúng tôi lớn và mới / lớn và cũ.)

Thông tin: Our school is amazing! It's big and new.

(Trường của chúng mình thật tuyệt vời! Trường rộng và còn mới.)

Đáp án: big and new

2.

Giải thích:

Class 5C is on the **ground** / **second** floor.

(Lớp 5C nằm ở tầng trệt / tầng hai.)

Thông tin: I'm in Class 5C. It's on the second floor.

(Mình học lớp 5C. Nó nằm ở tầng hai.)

Đáp án: second

3.

Giải thích:

To get to the music room, go along the corridor and turn **right** / **left**.

(Để đến phòng nhạc, đi dọc theo hành lang rồi rẽ phải / trái.)

Thông tin: The music room is on the ground floor. Go along the corridor and turn right.

(Phòng nhạc nằm ở tầng trệt. Đi dọc theo hành lang và rẽ phải.)

Đáp án: right

4.

Giải thích:

The **library** / **music room** is on the ground floor.

(Thư viện / phòng nhạc nằm ở tầng trệt.)

Thông tin: The music room is on the ground floor.

(Phòng nhạc nằm ở tầng trệt.)

Đáp án: library

5.

Giải thích:

The library is a **fun** / **quiet** place.

(Thư viện là một nơi vui nhộn / yên tĩnh.)

Thông tin: Our library is quiet and comfortable.

(Thư viện của trường thì yên tĩnh và thoải mái.)

Đáp án: quiet

VI. Make full sentences, using the clues below. DO NOT change the given words.

1. Tuan / Nam / like / play / volleyball / much.

Giải thích:

like + V-ing: thích làm gì

Đáp án: Tuan and Nam like playing volleyball very much.

(Tuấn và Nam rất thích chơi bóng chuyền.)

2. There / two pictures / above / window.

Giải thích:

Cấu trúc “There are”:

There are + số đếm + danh từ đếm được số nhiều + giới từ + vị trí.

Đáp án: There are two pictures above the window.

(Có 2 bức tranh nằm phía trên cửa sổ.)

3. Mai's pencils / front / her / pencil sharpener.

Giải thích:

Cấu trúc chỉ vị trí của sự vật:

Chủ ngữ số nhiều + are + giới từ chỉ vị trí + tân ngữ.

Đáp án: Mai's pencils are in front of her pencil sharpener.

(Những cái bút chì của Mai nằm ở phía trước cái gọt bút chì của cô ấy.)

4. She / sometimes / play / violin / her free time.

Giải thích:

Cấu trúc câu khẳng định ở thì hiện tại đơn, có dùng trạng từ chỉ tần suất:

Chủ ngữ số + trạng từ tần suất + động từ thêm s/es + tân ngữ.

Đáp án: She sometimes plays the violin in her free time.

(Thỉnh thoảng cô ấy chơi đàn vĩ cầm khi rảnh.)

5. My class / go / Ho Tay Water Park / last Sunday.

Giải thích:

- “Last Sunday” là một dấu hiệu của thì quá khứ đơn, vậy nên câu này cần được chia ở thì quá khứ đơn.

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ + động từ thì quá khứ + trạng từ.

Đáp án: My class went to Ho Tay Water Park last Sunday.

(Chủ Nhật tuần trước lớp tôi đã đến Công viên nước Hồ Tây.)